TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2023
V/v Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Ngọc T
2. Bà Phạm Thị Hoan

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 237/2023/TLST - HNGĐ ngày 13/7/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1992, *(đề nghị xử vắng mặt)*
Nơi cư trú: Thôn H, xã V, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 1990, (*vắng mặt)*
Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

3. Người làm chứng: Bà Đoàn Thị C, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; bà Bùi Thị U, sinh năm 1961; cư trú tại: Thôn H, xã V, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; Trưởng thôn và Phó chi hội phụ nữ thôn B, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. *Đều vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Chị và anh Lương Văn T tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mải chơi,

thường đi chơi thâu đêm, không quan tâm đến gia đình hai bên nội, ngoại; tài sản của vợ chồng anh T mang đi cầm cố, chị đã cho anh T nhiều cơ hội để sửa sai nhưng anh T vẫn không thay đổi. Tháng 9/2019 anh T phạm tội Cướp giật tài sản đã bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xử phạt 42 tháng tù, trong thời gian anh T chấp hành án, chị vẫn quan tâm, đến thăm gặp động viên nhưng sau khi ra trại, anh T không thay đổi, không tu chí làm ăn, không quan tâm, trách nhiệm đến mẹ con chị. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Thế A, sinh ngày 21/01/2014, hiện nay con ở cùng chị. Ly hôn, chị xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị có công việc và thu nhập ổn định nên chị không gặp khó khăn trong quá trình nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị tự nguyện không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã nhiều lần giao trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà C (mẹ đẻ anh T), bà C cam đoan đã giao cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai thể hiện quan điểm về việc chị L xin ly hôn và nuôi con.

* Người làm chứng bà Đoàn Thị C trình bày: Bà là mẹ đẻ anh T, chị L là con dâu bà. Anh chị L T tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 28/10/2011. Sau ngày cưới anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T phạm tội Cướp giật tài sản, trong thời gian anh T chấp hành án, chị L có đi xuất khẩu lao động tại Nhật 03 năm đến nay đã về nước nhưng chị L không ăn ở sinh sống cùng gia đình mà sống tại nhà bố mẹ đẻ ở huyện Kim Thành. Ngày 30/4/2022, anh T được ra trại nhưng vợ chồng không chung sống cùng nhau, vợ chồng đã ly thân nhiều năm. Hiện nay anh T đi làm ở đâu, làm gì bà không biết, thi thoảng vẫn về ăn ở sinh sống cùng gia đình bà tại thôn B, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Bà nhận các văn bản tố tụng cho anh T và đã giao tận tay cho anh T. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lương Thế A, sinh ngày 21/01/2014 hiện đang ở cùng chị L, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Phó thôn và Chi hội phó phụ nữ thôn B, xã L trình bày: Anh chị T L có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã L ngày 28/10/2011. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn đã phạm tội Cướp giật tài sản, trong thời gian chấp hành án, chị L đã xin phép bố mẹ chồng về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở V, Kim Thành còn anh T sau khi ra trại về ăn ở sinh sống cùng bố mẹ đẻ là ông bà S C ở thôn B, xã L. Thực tế anh chị đã ly thân 3-4 năm, không quan tâm, trách nhiệm với nhau. Do anh chị không nhờ đoàn thể thôn xóm hòa giải nên không tổ chức hòa giải. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử(HĐXX) áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xử chị Bùi Thị L ly hôn anh Lương Văn T. Về con chung: Giao con chung là Lương Thế A, sinh ngày 21/01/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lương Văn T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Lương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký ngày 28/10/2011 tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mải chơi, không tu chí làm ăn đã phạm tội Cướp giật tài sản, sau khi ra trại, anh T không thay đổi, không quan tâm trách nhiệm với vợ con. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, anh T không có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình về việc chị L xin ly hôn và nuôi con. Tòa án đã về địa phương và đến tận gia đình xác minh ghi lời khai nhưng anh T không hợp tác gây khó khăn cho chị L. Thực tế anh chị sống ly thân 3-4 năm, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị L ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định, tạo dựng cuộc sống.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Thế A, sinh ngày 21/01/2014, chị L đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con vì chị có công việc và thu nhập ổn định. Cháu A có nguyện vọng ở với chị L. Để đảm bảo mọi quyền lợi của con, cần tiếp tục giao cho chị L nuôi dưỡng cháu A, kể từ tháng 09/2023 đến khi con T niên đủ 18 tuổi, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị L tự nguyện không yêu cầu

giải quyết. HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L ly hôn anh Lương Văn T.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi con Lương Thế A, sinh ngày 21/01/2014, kể từ tháng 9/2023 đến khi con T niên đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị L. Anh Lương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000[đ] án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000[đ] theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000881 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. (*chị L đã thi hành xong án phí*)

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hoài